TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 324/2018/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên, ngày 19 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 291/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Quàng Thị T** – sinh năm 1990
Nơi ĐKNKTT: Đội 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;
Chỗ ở hiện nay: Bản B, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

- *Bị đơn*: Anh **Lường Văn X** – sinh năm 1979
Nơi ĐKNKTT và chỗ hiện hiện nay: Đội 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào văn bản rút yêu cầu độc lập của bị đơn về việc đòi sính lễ;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Quàng Thị T và anh Lường Văn X.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. **Về hôn nhân**: Thuận tình ly hôn.

2.2. **Về con chung**:

Chị Quàng Thị T có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con Lường Thị Thanh D - sinh ngày 12/11/2010 cho đến khi con đủ tuổi thành niên và có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Anh Lường Văn X có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con Lường Duy T - sinh ngày 20/8/2015 cho đến khi con đủ tuổi thành niên và có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Chị T và anh X không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3. **Về tài sản và công nợ**: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. **Về yêu cầu của bị đơn**: Anh Lường Văn X rút yêu cầu về việc đòi tài sản là đồ sính lễ khi cưới đối với chị Quàng Thị T, do đó Tòa án không đề cập giải quyết.

2.5. **Về án phí**:

Chị Quàng Thị T phải chịu 75.000 đồng *(bảy mươi năm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002959 ngày 30/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Hoàn trả lại cho chị Quàng Thị T số tiền chênh lệch là 225.000 đồng *(hai trăm hai mươi năm nghìn đồng)*.

Anh Lường Văn X phải chịu 75.000 đồng *(bảy mươi năm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh X tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu đòi tài sản đã nộp là 440.000 đồng *(bốn trăm bốn mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003032 ngày 18/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, khấu trừ số tiền anh X phải nộp là 75.000 đồng nêu trên. Hoàn trả lại cho anh Lường Văn X số tiền chênh lệch là 365.000 đồng *(ba trăm sáu mươi năm nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh ĐB;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Thị Hòa